

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 117/2022/HSST

Ngày: 17-11-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Mạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đàm Chí Thân**; 2. Ông **Vũ Khắc Hoàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lý** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Hương**- Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã A mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 112/2022/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/HSST-QĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn B**; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 18 tháng 8 năm 1988, tại tỉnh Hà Nam. Nơi thường trú: Thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông: Trương Văn Đ; Con bà: Nguyễn Thị E. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng: Trần Văn G, bị cáo có 02 con lớn sinh năm 11, nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: chưa có. Bị cáo bị bắt ngày 26/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh- có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn B là bà Nguyễn Thị Trà H- Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bảo An. Địa chỉ: Số I, Nguyễn K, Phường L, thành M, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

- Bị hại: Bà **Đàm Thị N**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn G**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh **Trần Văn O**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn Ô , sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn B và Trần Văn G là hai vợ chồng, có quen biết và được sự tin tưởng của bà Đàm Thị N, sinh năm 1969, trú tại: Thôn C, xã D, thị xã A, nên Ô và B nhiều lần hỏi vay tiền bà Q với mục đích để làm ăn. Ngày 02/7/2009 Ô lái xe taxi chở khách đến nhà Đinh Văn R, tại xã S, thị xã A. Tại đây, R cùng nhiều đối tượng khác đang đánh bạc thì Ô vào xem, đúng lúc này cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh kiểm tra bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc trong đó có Ô và đưa tất cả về công an tỉnh xác minh điều tra làm rõ từng đối tượng.

Trong thời gian này Trương Văn B lo sợ Ô bị xử lý hình sự nên đã tìm cách chạy án cho Ô, B gặp bà Q hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng nói với bà Q mục đích để vay làm ăn kinh tế nên bà Q đồng ý cho B vay số tiền trên. Sau khi nhận được số tiền 200.000.000 đồng từ bà Q, B cùng anh Trần Văn O (em trai Ô) gặp một người đàn ông giới thiệu có quan hệ với cơ quan điều tra công an tỉnh Quảng Ninh có thể lo chạy án được cho Ô. B đưa tổng số tiền 180.000.000 đồng cho người đàn ông này. Sau đó Ô về B kể lại sự việc đã vay của bà Q số tiền 200.000.000 đồng để chạy án cho Ô.

Vào tháng 10/2019 Ô, B tiếp tục vay của bà Q số tiền 248.000.000 đồng và đến tháng 12/2019 tiếp tục vay của bà Q số tiền 50.000.000 đồng, ngày 26/12/2019, bà Q đến gặp Ô, B yêu cầu viết giấy vay nợ tổng số tiền là 498.000.000 đồng của ba lần vay trên, lãi 15%/năm, mục đích vay làm ăn kinh tế, thời hạn trả nợ là ngày 12/12/2020. Ngoài nợ của bà Q số tiền vay trên Ô, B còn nợ tiền họ của bà Q và tiền nợ nhiều người khác. Do vậy, tháng 4/2020 Ô, B chuyển nhượng nhà và đất đang ở tại xã D, thị xã A cho chị Vũ Thị B để trả nợ cho chị B và anh Đàm Văn T, sau đó Ô, B lần lượt đi khỏi địa phương. Bà Q nhiều lần liên lạc với B yêu cầu trả nợ, B xin kéo dài thời gian trả nợ và trả dần nhưng không trả được khoản nào cho bà Q.

Quá hạn trả nợ một thời gian, bà Q tố cáo vợ chồng Ô, B ra trước cơ quan Công an.

Tại cơ quan điều tra, B đã thừa nhận 03 lần vay tiền của bà Q với tổng số tiền 498.000.000 đồng. Trong đó tại lần vay đầu tiên vào tháng 7/2019, sau khi vay 200.000.000 đồng, B đã đưa số tiền 180.000.000 đồng cho một người đàn ông không quen biết để chạy án cho chồng, còn lại 20.000.000 đồng và

298.000.000 đồng của hai lần vay sau, B cùng O trả nợ cho những người khác, chuộc xe ô tô và tiêu sài cá nhân.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Quảng Ninh đã khởi tố Đinh Văn R cùng đồng phạm về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” xảy ra ngày 02/7/2019, tại Thôn U, xã S, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh. Trần Văn G là người có mặt khi bị bắt, quá trình điều tra xác định O không đánh bạc nên không bị xử lý hình sự.

-Về trách nhiệm dân sự bà Q yêu cầu B phải trả số tiền vay vào mục đích chạy án tháng 07/2019, ngoài ra còn yêu cầu vợ chồng O, B trả số tiền còn lại là gồm tiền vay và tiền đóng hộ tổng số là 703.000.000 đồng.

-*Bị hại bà Đàm Thị N có lời khai:* do là chỗ quen biết cũng là hàng xóm với vợ chồng Trương Văn B và Trần Văn G nên trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 07/2019 bà có cho vợ chồng B, O vay 03 lần tiền cụ thể:

Lần thứ nhất khoảng tháng 07 năm 2019 B có hỏi vay của bà số tiền 200.000.000 đồng, B nói là vay để đi làm ăn kinh tế chứ không nói là đi chạy án cho chồng, nếu nói đi chạy án bà không cho vay số tiền trên, số tiền này chỉ một mình B đứng ra vay.

Lần thứ hai vào khoảng tháng 10/2019 bà cho vợ chồng O, B vay số tiền là 248.000.000 đồng, lần vay này B là người trực tiếp đến nhà bà để vay tiền, B vay tiền cũng chỉ nói là làm ăn kinh tế và trả tiền mua xe ô tô. Khi B đến vay tiền bà có yêu cầu B gọi điện cho O để bà nói chuyện với O xem O có đồng ý vay không, sau đó bà có nói chuyện với O qua điện thoại, O đồng ý vay tiền cùng B. Lần vay này bà cũng viết giấy biên nhận để B trực tiếp ký vào và có đề ngày tháng năm vay, mục đích vay.

Lần vay thứ 3 khoảng tháng 12/2020, lần này anh O đi xe ô tô đến nhà bà vay số tiền 50.000.000 đồng và cũng như mọi lần anh O, chị B nói là vay làm ăn kinh tế. Sau khi cho vay tiền lần thứ 3 được khoảng 01 tháng khoảng ngày 26/12/2020 thì bà đã yêu cầu O, B chốt số nợ trong cả 03 lần vay là 498.000.000 đồng và hẹn ngày trả nợ là 12/12/2020 (âm lịch) sẽ trả nợ, lần vay tiền thứ 3 này do vợ chồng O, B dùng vào việc trả nợ ngân hàng.

Tuy nhiên chưa đến hạn trả nợ bà có nghe tin vợ chồng O, B làm ăn thua lỗ phải bán nhà nên bà yêu cầu O, B trả nợ, O, B nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả. Nhưng sau đó một thời gian thì O không có mặt tại địa phương, bà có đến tìm thì chỉ gặp một mình B, sau đó B cũng bỏ đi khỏi địa phương. Do không liên lạc được với vợ chồng U, O lên bà Q làm đơn trình báo Công an.

Quan điểm của bà Q về phần bồi thường dân sự, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 80.000.000 đồng bà yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà. Đối với mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn G có lời khai:* Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2019 O cùng vợ là Trương Vân B có 03 lần vay tiền của bà Đàm Thị N cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng tháng 07/2019 O là lái xe taxi chở khách đến nhà Đinh Văn R, tại xã S, thị xã A. Tại đây, R cùng nhiều đối tượng khác đang đánh bạc thì O vào xem, đúng lúc này cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh kiểm tra bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc trong đó có O và đưa tất cả về công an tỉnh xác minh điều tra làm rõ từng đối tượng. Do bị công an bắt và sợ chồng bị xử lý hình sự nên B có vay số tiền 200.000.000 đồng của bà Q để nhờ người chạy án cho O, việc B chạy án cho O O cũng biết và sau này B nói số tiền này vay của bà Q, B có nói với bà Q là vay với mục đích kinh Q.

Sau khi được Công an thả về thì O và B có 02 lần vay tiền thêm của bà Q cụ thể là vào khoảng 10/2019 O và B vay số tiền 248.000.000 đồng mục đích để chuộc xe ô tô của O vì trước đó O có đến huyện V đánh bạc và bị thua hết nên phải cầm xe.

- *Người làm chứng anh Trần Văn O trình bày:* vào khoảng tháng 07/2019 anh được bị cáo Trương Vân B nhờ liên lạc để lo chạy án cho anh Trần Văn G (anh O là anh trai X), lúc này anh O đang bị công an tỉnh Quảng Ninh bắt giữ cùng nhóm đánh bạc tại nhà anh Đinh Văn R tại xã S, thị xã A. Sau đó anh cùng Trương Vân B ra thành M gặp một người đàn ông, B đưa số tiền 160.000.000 đồng cho người này để người này lo chạy án cho anh O, để cho O không bị xử lý hình sự. Sau đó đến sáng hôm sau anh và Trương Vân B tiếp tục ra thành M đưa thêm cho người đàn ông này 20.000.000 đồng để cảm ơn ông ta, đến chiều cùng ngày thì anh Trần Văn G được tha và về nhà.

Tuy nhiên tại phiên tòa anh X cho rằng trong số tiền 180.000.000 đồng của B đưa cho người đàn ông chạy án thì có 50.000.000 đồng là của anh cho O, B vay và B là người chuyển tiền cho người đàn ông chạy án bằng chuyển khoản.

- *Người làm chứng ông Trần Văn O có lời khai:* ông là chồng của người bị hại bà Đàm Thị N, trong khoảng thời gian từ tháng 07/2019 ông có được bà Q nói và được chứng kiến vợ chồng O, B nhiều lần đến nhà ông vay vợ ông tiền.

- Bản cáo trạng số 112/CT-VKSQY ngày 01/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Trương Vân B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Vân B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 175 (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175); điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51- Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Trương Vân B từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2022.

-Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Trương Văn B phải trả lại cho bị hại bà Đàm Thị N số tiền còn lại là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

* **Phản tranh luận:** Bị cáo không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A.

- Luật sư, người bào chữa cho bị cáo Trương Văn B có quan điểm tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào việc B chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 130.000.000 đồng vì trong đó có số tiền 50.000.000 đồng của anh Trần Văn O.

-Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đối đáp: Ý kiến của luật sư không có căn cứ vì tại biên bản đối chất, ban tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, và Lời khai của bị hại phù hợp lời khai của bị cáo. Chỉ căn cứ vào lời khai của anh Trần Văn O là không có căn cứ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Văn B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 175- Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Đối với quan điểm của người làm chứng tại phiên tòa cho rằng trong số tiền 180.000.000 đồng của bị cáo Trương Văn B chạy án có 50.000.000 đồng của anh. Anh và B không trực tiếp đưa cả số tiền 180.000.000 đồng cho đối tượng chạy án mà B chuyển khoản cho đối tượng chạy án là không có căn cứ vì tại biên bản lời khai, biên bản đối chất cũng như tại phiên tòa bị cáo B đều khẳng định bị cáo đưa số tiền 180.000.000 đồng cho X để chạy án, trong đó đưa trước cho đối tượng chạy án là 160.000.000 đồng và ngày hôm sau đưa 20.000.000 đồng để cảm ơn đều đưa trực tiếp có mặt B, B không hề chuyển khoản cho ai. Anh X không chứng minh được việc B chuyển khoản. Do đó, quan điểm của người làm chứng, luật sư người bào chữa cho bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[2] *Về chứng cứ*: Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn B thừa nhận hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại nên đã cố tình vay số tiền 200.000.000 đồng của bị hại bà Đàm Thị N sau đó mang số tiền 180.000.000 đồng đi dùng vào mục đích bất hợp pháp là chạy án cho chồng và đến hẹn không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại, sau đó bị cáo bán nhà đi khỏi địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] *Về tội danh*: Như vậy căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo trước Tòa, lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và Kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 07/ 2019, tại thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh, Trương Văn B vay số tiền 200.000.000 đồng của bà Đàm Thị N, sau đó sử dụng số tiền 180.000.000 đồng trên vào mục đích bất hợp pháp là “*chạy án*” cho chồng là Trần Văn G dẫn đến không có khả năng trả số tiền trên cho bà Q sau đó bỏ đi nơi khác sinh sống.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn khách quan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

b. Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận lại tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

c. Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

[4] *Về đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*:

Tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, nếu ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Trương Văn B là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do tu dưỡng,

rèn luyện đạo đức kém, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại nên đã cố tình vay tài sản mang đi dùng vào mục đích bất hợp pháp là chạy án cho chồng và đến hẹn không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại nên cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và trừng trị riêng đối với bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Tình tiết tăng nặng: không.

- Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân tốt, tiền án tiền sự chưa có, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo cùng gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51- Bộ luật Hình sự. Do đó giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175-Bộ luật hình sự có thể phạt bị cáo một khoản tiền để sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] *Về xử lý vật chứng*: không có.

[8] Về bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng, trong đó có 180.000.000 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc chạy án cho chồng. Trước khi mở phiên tòa gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 80.000.000 đồng người bị hại yêu cầu sau này bị cáo phải tiếp tục bồi thường là hoàn toàn có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Các tình tiết khác*: Ngoài số tiền 200.000.000 đồng vay của bà Q, trong đó có 180.000.000 đồng sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, vợ chồng bị cáo còn nợ bà Q một khoản tiền khác. Xác định đây là giao dịch dân sự, không phải tội phạm nên không đề cập giải quyết trong vụ án. Nếu sau này bà Q có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Trần Văn G không tham gia vay tiền của bà Q sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên không đồng phạm với B.

Đối với người đàn ông nhận tiền chạy án của B để chạy án, chưa xác định được con người cụ thể nên không có căn cứ giải quyết.

[13] *Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm*: bị cáo phải nộp theo quy định.

-Về các lễ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

- Áp dụng: Điều 260-Bộ luật tố tụng hình sự.
- Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38-Bộ luật hình sự.
- Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn B phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.
- Xử phạt: Bị cáo Trương Văn B **36** (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 26/8/2022.

2. Về bồi thường dân sự : Căn cứ: khoản 2 Điều 47 Điều 48- Bộ luật hình sự. Điều 584, 585, 586, 589- Bộ luật dân sự.

-Buộc bị cáo Trương Văn B phải trả cho bà Đàm Thị N số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

-Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án bà Đàm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trương Văn B người phải thi hành án không trả cho người được thi hành án số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015.

-Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

-Căn cứ: Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 - Bộ Luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Văn B phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND; Sở tư pháp; Cơ quan THAHS; Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND; Chi cục THADS; Cơ quan điều tra Công an Tx. A;
- Bị cáo;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người tham gia tổ tụng khác;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Chí Mạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Chí Thân Vũ Khắc Hoàn

Nguyễn Chí Mạnh

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND; Công an; Chi cục THADS; Cơ quan THAHS Tx. A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Mạnh

